

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 27-10-2021
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trịnh Thị Phúc.

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh LA mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 41/2021/HNGĐ-ST ngày 26-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện BL bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Yến S, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Số 83/12 Phạm Văn Bạch, P15, quận TB, TP.HCM.

Tạm trú: Số 146C ấp 4, xã TB, huyện BL, tỉnh LA.

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp Thới Trị, xã CH, huyện GT, tỉnh BT.

Tạm trú: Số 146C ấp 4, xã TB, huyện BL, tỉnh LA.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc X.

(Ông S, bà X có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Yến S trình bày: Ông quen biết, có mối quan hệ tình cảm với bà Nguyễn Ngọc X từ năm 2012. Thời gian đó, bà X có thường xuyên đến ở nhà ông nhưng chưa ở hẳn, thời gian nào ở hẳn thì ông không nhớ.

Đến ngày 01/4/2016 ông và bà X đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó về sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không còn tin tưởng nhau, lòng tự trọng của ông bị xúc phạm nghiêm trọng, bà X không chăm sóc, giúp đỡ gì cho ông, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ thời điểm đó đến nay, ông và bà X tuy vẫn còn sống chung nhà nhưng đã không nói chuyện, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông thấy vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với bà X. Về con chung: Không có con chung. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 02/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Ngọc X trình bày: Bà xác định thời gian chung sống với ông S như ông S trình bày là không đúng. Bà đã sống chung với ông S như vợ chồng từ năm 2012. Thời gian này, bà có đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nên sáng đi chiều về. Bà xác định thời gian đăng ký kết hôn, con chung như ông S trình bày là đúng. Nay ông S yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý vì mâu thuẫn không lớn. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Có 01 quyền sử dụng đất diện tích ngang 5m, dài 34m, tọa lạc tại số 146c ấp 4, xã TB, huyện BL, tỉnh LA, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 xây dựng từ năm 2012, nguồn tiền mua đất và xây dựng nhà là của bà và ông S. Tuy nhiên, hiện nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, sau này có tranh chấp bà sẽ khởi kiện bằng 1 vụ án khác. Về nợ chung: Không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 41/2021/HNGĐ-ST ngày 26-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện BL đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Yến S đối với bà Nguyễn Ngọc X.

Về hôn nhân: Ông Phạm Yến S được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc X.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Yến S được miễn nộp án phí.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 04/5/2021, bà Nguyễn Ngọc X kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông Phạm Yến S và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Bà Nguyễn Ngọc X tranh luận:

Vợ chồng không có mâu thuẫn, vẫn sống chung nhà, bà vẫn quan tâm chăm sóc ông S, quan tâm, lo lắng cho gia đình chung. Vì vậy, mâu thuẫn không đến mức trầm trọng phải ly hôn. Nếu ly hôn sẽ để lại hệ lụy về sau.

- Ông Phạm Yên S tranh luận:

Mặc dù còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai; sống chung chỉ là hành hạ nhau mà thôi. Bà X còn sống chung với ông là để làm chỗ dựa kiếm tiền mà thôi, chứ không còn yêu thương ông vì không còn tình người với nhau do xúc phạm nhau. Vì bà X từng nói rằng ông là người gian dối, từ nay không còn tin ông nữa, sẽ không buông tha, sẽ làm cho ông thân tàn ma dại,... Vì vậy, ông kiên quyết ly hôn với bà Nguyễn Ngọc X để ai nấy sống, không còn ai liên quan đến ai. Khi đó, ông muốn sống ở đâu thì ở còn bà X sống ở đâu là việc riêng của bà X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Từ năm 2012 ông Phạm Yên S và bà Nguyễn Ngọc X đã chung sống như vợ chồng với nhau đến ngày 01/04/2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông S muốn về Bắc sống với con mà bà X không đồng ý về cùng. Từ đó đến nay vẫn sống chung nhà nhưng ông S và bà X đã không nói chuyện, không quan tâm nhau. Việc ông S cương quyết ly hôn với bà X và bà X cũng không có biện pháp nào để hàn gắn với ông S cho thấy hôn nhân giữa ông S, bà X đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà X kháng cáo yêu cầu bác đơn ly hôn của ông S là không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc X. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Ngọc X kháng cáo hợp lệ và thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Theo Sổ tạm trú số 400004152 của Công an xã TB, huyện BL, tỉnh LA cấp cho chủ hộ Phạm Yên S ngày 15/3/2012 thể hiện nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại huyện BL, tỉnh LA nên Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh LA thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định về thẩm quyền tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2016 ngày 01/4/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Phạm Yên S và bà Nguyễn Ngọc X là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Ông S và bà X đều thừa nhận giữa hai người có mâu thuẫn do ông S muốn về Bắc sinh sống nhưng bà X không đồng ý. Bà X thừa nhận tại phiên tòa rằng, hai người còn sống chung nhà nhưng không ai nói đến ai, không có tiếng nói chung để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, ông S kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà X. Bà X cho rằng mâu thuẫn nhỏ nhất không đến mức ly hôn. Tuy nhiên, bà X không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục ông S rút đơn khởi kiện ly hôn nhằm hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, trong khi ông S kiên quyết ly hôn vì không còn tình cảm với bà X. Do đó, ông S không còn tự nguyện chung sống đời sống vợ chồng với bà X nên hôn nhân giữa ông, bà không còn trên cơ sở tự nguyện nhằm xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau như quy định tại Điều 2 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bên cạnh đó, không ai có quyền ép buộc một người chung sống đời sống vợ chồng với người khác trái với ý muốn của họ. Vì vậy, thấy rằng mối quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà X mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Yên S là có căn cứ.

Từ cơ sở trên, kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc X là không có cơ sở chấp nhận; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Ông S, bà X không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định vấn đề này trong bản án nhưng phần quyết định không đề cập đến là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà X phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng hiện bà X đã trên 60 tuổi là người cao tuổi nên được miễn theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 293, 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc X.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 41/2021/HNGĐ-ST ngày 26-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh LA.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều

12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Yến S đối với bà Nguyễn Ngọc X.

Về hôn nhân: Ông Phạm Yến S được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc X.

[2] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Yến S được miễn nộp án phí.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ cho bà Nguyễn Ngọc X.

[7] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LA;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh